

Số: /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày

tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021 - 2022, dự kiến chương trình giám sát năm 2023

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh về báo cáo kết quả giám sát năm 2021 - 2022 và dự kiến chương trình giám sát năm 2023 trình tại kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh, Ban VHXH báo cáo như sau:

A. KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT NĂM 2021 VÀ NĂM 2022

I. Giám sát Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2020

1. Ban hành các văn bản triển khai nội dung giám sát

- Ban hành Quyết định số 20/QĐ-HĐND ngày 06/8/2021 của Ban VHXH HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát, khảo sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của HĐND tỉnh.

- Ban tổ chức làm việc với Ban đối với các cơ quan, đơn vị: Sở VH-TT-DL; Trung tâm QLDT&BT, Phòng VH-TT các huyện, thành phố, thị xã; trực tiếp khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa tại các huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong, Cam Lộ.

2. Kết quả thực hiện

a) Công tác kiểm kê, cắm mốc chỉ giới, khoanh vùng bảo vệ, cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với di tích của tỉnh (100% di tích): UBND tỉnh đã phân công trách nhiệm cho UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng hồ sơ pháp lý và Trung tâm Quản lý Di tích và Bảo tàng xây dựng hồ sơ khoa học theo quy định¹. Các địa phương đã tích cực triển khai công tác thống kê hệ thống di tích, báo cáo thực trạng và thực hiện công tác đo đạc, bố trí quỹ đất, cắm mốc đối với các di tích trên địa bàn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoàn thiện hồ sơ khoa học, hồ sơ pháp lý từng bước được chính quyền các cấp, cơ quan chuyên môn quan tâm thực hiện².

b) Công tác xây dựng bia, biển đối với các di tích cấp tỉnh

Các đơn vị, địa phương đã triển khai công tác xây dựng bia, biển và cắm mốc theo quy định. Tuy nhiên, một số địa phương có nhiều di tích chưa hoàn thành hồ sơ khoa học, hồ sơ pháp lý nên không thể thực hiện được việc xây dựng bia, biển theo kế hoạch đề ra³.

¹ Đến nay, toàn tỉnh đã có 158/500 (31,6% so với mục tiêu NQ là 100%) di tích đã hoàn thiện hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý.

² Đến nay, toàn tỉnh đã có 158/500 (31,6% so với mục tiêu NQ là 100%) di tích đã hoàn thiện hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý.

³ Tỷ lệ di tích được đặt bia, biển đạt thấp so với mục tiêu của nghị quyết. Đến nay toàn tỉnh mới có 75/476 di tích cấp tỉnh được đặt bia, biển, xây dựng đài tưởng niệm, lưu niệm (chiếm 16% tổng số di tích cấp tỉnh so với chỉ tiêu đề ra 100%).

c) Công tác đầu tư đối với các di tích quốc gia và cấp tỉnh được phân cấp các huyện, thị, thành phố quản lý, khai thác, sử dụng:

Công tác phân cấp quản lý di tích được thực hiện theo Kế hoạch số 4525/KH-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh, trong đó có 364 di tích được phân cấp cho Sở VH-TT-DL và các địa phương làm chủ đầu tư⁴. Việc phân cấp quản lý di tích đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ, tuyên truyền và nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, đồng thời thực hiện tốt công tác xã hội hóa để đầu tư tôn tạo các di tích⁵.

d) Công tác quy hoạch, đầu tư, tôn tạo các hạng mục của các di tích quan trọng của tỉnh

Giai đoạn 2013 - 2020, tỉnh đã quan tâm huy động từ nhiều nguồn lực để đầu tư 05/6 di tích quan trọng là: Thành cổ Quảng Trị, Nhà đày Lao Bảo, Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn, Địa đạo Vịnh Mốc, đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải với tổng số vốn là 75.199 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước 30.928 triệu đồng, nguồn xã hội hóa 44.172 triệu đồng. Việc đầu tư tôn tạo hạ tầng các điểm di tích đặc biệt quan trọng đã góp phần nâng cao hiệu quả của di tích đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

e) Công tác kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh, nâng hạng di tích cấp tỉnh lên di tích quốc gia

Các đơn vị, địa phương đã chú trọng và quan tâm công tác nghiên cứu, kiểm kê lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh và nâng hạng di tích cấp tỉnh lên di tích quốc gia và quốc gia đặc biệt⁶. Riêng Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn chưa triển khai lập hồ sơ nâng hạng lên di tích Quốc gia đặc biệt do đang trong quá trình xây dựng dự án đầu tư bảo tồn tôn tạo di tích.

(Kết quả cụ thể trong Báo cáo số 55/BC-HĐND ngày 03/12/2021 về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND tỉnh)

3. Những tồn tại, hạn chế

- Hầu hết các chỉ tiêu đề ra về công tác kiểm kê, cắm mốc chỉ giới khoanh vùng bảo vệ, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, cho hệ thống các di tích cấp tỉnh đạt thấp (đều dưới 30%).

- Công tác xây dựng bia biển tỷ lệ quá thấp còn 84% chưa có bia biển (401/476), nên nhiều di tích ngay tại địa phương nhưng nhân dân lại không biết đến. Các bia biển chất liệu mang tính tạm thời, dễ hư hỏng. Một số di tích nội dung bia, biển chỉ đơn thuần là tên gọi, chưa thông tin về ý nghĩa, giá trị của di tích; có di tích di tích quốc gia đặc biệt đã được nâng hạng nhiều năm nhưng nội dung thông tin vẫn chưa cập nhật (di tích chót thép Long Quang).

- Công tác quản lý đất đai di tích còn chưa chặt chẽ, tình trạng di tích bị xâm lấn đất đai còn nhiều. Công tác quy hoạch quỹ đất tổng thể cho hệ thống di

⁴ Sau khi tham mưu triển khai NQ, đã có 5/7 di tích Quốc gia tiêu biểu được đầu tư với tổng kinh phí 75.100 triệu đồng; có 13 di tích quốc gia và 351 di tích cấp tỉnh được phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố được thực hiện đầu tư với tổng nguồn kinh phí là 38.07 tỷ đồng, trong đó có 1/13 di tích quốc gia được đầu tư với kinh phí là 9 tỷ đồng (Căn cứ Tân Sơn - Cam Lộ) và 4/351 di tích cấp tỉnh (thuộc 02 huyện Hướng Hóa, Đakrông) được đầu tư với tổng kinh phí là 109 triệu đồng (có phụ lục kèm theo).

⁵ Kinh phí thực hiện huy động xã hội hóa ở một số địa phương khá lớn: huyện Triệu Phong 43 tỷ đồng; thị xã Quảng Trị: 6 tỷ; Hải Lăng: 5,4 tỷ. Có thể nói, việc phân cấp quản lý di tích cho các địa phương, thị xã, thành phố quản lý đã phát huy tính chủ động trong việc khai thác sử dụng, đầu tư, phục dựng và tôn tạo các di tích trên địa bàn.

⁶ Đến nay, có 16 hồ sơ đã hoàn thành đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh; 04 hồ sơ di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt; 05 hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích Quốc gia (trong đó 01 di tích đã được xếp hạng là địa điểm liên quan đến Dinh Chúa Nguyễn).

tích chưa được thực hiện nên việc thực hiện đầu tư, tôn tạo còn lúng túng. Các di tích quốc gia đặc biệt được chú trọng đầu tư từ các ngân sách trung ương và xã hội hóa, tuy nhiên chủ yếu đầu tư vào cơ sở vật chất bên ngoài di tích, chưa chú trọng các hạng mục bên trong.

- Công tác quản lý nhà nước về các di tích còn thiếu chặt chẽ và còn nhiều bất cập. Kinh phí thực hiện trùng tu, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh phân cấp cho UBND các cấp quản lý (không tính các di tích quốc gia tiêu biểu do tỉnh quản lý, Trung ương đầu tư) chưa đảm bảo theo nghị quyết đề ra.

- Công tác theo dõi, đôn đốc kiểm tra, giám sát của Sở VH-TDL, UBND cấp huyện còn thiếu thường xuyên. Công tác xã hội hóa trong đầu tư các di tích chủ yếu thực hiện được đối với các di tích văn hóa trong xây dựng đình chùa, gia đình dòng họ.

II. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về đề án đầu tư cải tạo, xây dựng nhà vệ sinh và cung cấp nước sạch trong trường học giai đoạn 2020 - 2025

1. Ban hành các văn bản

- Ban hành Quyết định số 23/QĐ-HĐND ngày 11/5/2022 của Ban VHXH HĐND tỉnh về giám sát thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh.

- Tổ chức làm việc với các cơ quan, đơn vị: Sở GDĐT, Phòng GDĐT các huyện Hướng Hóa, Hải Lăng, Gio Linh, thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà; khảo sát trực tiếp các Trường MN, TH, THCS trên địa bàn.

2. Kết quả thực hiện

Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả như sau:

- Tổng số nhà vệ sinh được xây dựng mới 123/143 nhà vệ sinh, đạt tỷ lệ 86,01% so với nghị quyết; nhà vệ sinh được cải tạo, sửa chữa 182/2.583 nhà vệ sinh, đạt tỷ lệ 7,05% so với nghị quyết; công trình cung cấp nước sạch được đầu tư là 67/292 công trình, đạt tỷ lệ 22,94% so với nghị quyết.

- Tổng kinh phí đầu tư cải tạo, xây dựng nhà vệ sinh và cung cấp nước sạch là 37.811,04 triệu đồng, đạt tỷ lệ 34,88%.

(Kết quả chi tiết trong Báo cáo số 41/BC- HĐND ngày 15/7/2022 về kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021)

3. Tồn tại, hạn chế

- Nhiều địa phương chưa tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết nên khó khăn trong công tác rà soát, thống kê nhu cầu các trường học cần đầu tư công trình nhà vệ sinh, nước sạch, dẫn đến lúng túng trong phân bổ và lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện.

- Kết quả đầu tư các công trình đạt thấp so với mục tiêu nghị quyết đề ra, tỷ lệ nhà vệ sinh được cải tạo, sửa chữa đạt quá thấp (181/2.583 nhà vệ sinh, chiếm 7,05%), trong khi đó hệ thống nhà vệ sinh nhiều nơi xuống cấp nghiêm trọng.

- Định mức chi phí xây dựng các công trình vệ sinh, nước sạch theo nghị quyết còn thấp (xây mới 150 triệu đồng/nhà vệ sinh; cải tạo 30 triệu đồng/nhà

vệ sinh; nước sạch 40 triệu đồng/công trình) so với giá cả thị trường hiện nay nên các địa phương gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Một số huyện chưa thực hiện phân bổ kinh phí đầu tư từ các nguồn cho các cơ sở giáo dục để thực hiện theo lộ trình. Công tác lồng ghép các nguồn vốn và kêu gọi xã hội hóa ở một số địa phương thực hiện chưa tốt, dẫn đến tình trạng có nơi trường học được đầu tư nhưng không có kinh phí hoàn thiện hệ thống nhà vệ sinh, nước sạch nên không thể đưa vào sử dụng, gây lãng phí cơ sở vật chất trường học.

- Một số điểm trường do xây dựng đã lâu nên phòng học xuống cấp (như điểm trường Tân Hiệp, Bản chùa), công trình vệ sinh ở một số trường chưa đáp ứng về diện tích, bố trí chưa phù hợp. Việc đầu tư xây dựng một số công trình nước sạch chưa đồng bộ, đầu tư giếng khoan nhưng không có bể lọc nước, một số địa phương nguồn nước bị ô nhiễm hoặc thiếu nước về mùa khô nhưng chưa có giải pháp tổng thể để đầu tư nước đảm bảo hợp vệ sinh cho người dân.

- Một số trường có nhiều điểm trường cách xa nhau từ 2 - 3 km nên khó khăn trong công tác quản lý, cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học của một số trường chưa đảm bảo, thiếu các phòng chức năng, sân khấu ngoài trời và một số máy móc sử dụng trong hoạt động dạy học, đặc biệt có trường THCS phải sử dụng bàn ghế của cấp tiểu học để lại từ nhiều năm nay.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các nội dung nghị quyết của các sở ngành liên quan chưa thường xuyên nên một số địa phương chưa xây dựng kế hoạch, dẫn đến hiệu quả thấp.

III. Giám sát Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Ban hành các văn bản

- Ban hành Quyết định số 23/QĐ-HĐND ngày 11/5/2022 của Ban VHXH HĐND tỉnh về giám sát thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh.

- Ban tổ chức làm việc với Ban đối với các cơ quan, đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện Hướng Hóa, Hải Lăng, Gio Linh, thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà; khảo sát trực tiếp các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn.

2. Kết quả thực hiện

- Năm học 2021 - 2022, các cơ sở giáo dục đã thực hiện thu, chi các khoản thu đảm bảo nguyên tắc thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, quản lý và sử dụng theo quy định. Các khoản thu đều được thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Hội đồng trường và được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt và mức thu không vượt quá mức thu quy định.

- Qua giám sát, việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các trường học trên địa bàn thuộc vùng đồng bằng, đô thị có

hiều thuận lợi, được đa số phụ huynh đồng tình, ủng hộ. Tuy nhiên đối với các cơ sở giáo dục thuộc khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và ven biển bãi ngang, mặc dù nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thực hiện đúng các quy trình theo quy định, song do điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn nên việc thực hiện một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không thực hiện được.

3. Tồn tại hạn chế

- Việc thực hiện các khoản thu dịch vụ trên địa bàn một số huyện, xã còn khó khăn, nhất là các huyện, xã miền núi. Một số cơ sở giáo dục chưa xây dựng được dự toán thu chi, chậm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ nên công tác thanh quyết toán gặp khó khăn.

- Việc chi hỗ trợ cho giáo viên, bảo mẫu trực tiếp chăm sóc học sinh theo Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh có nội dung chưa cụ thể nên các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc chi trả kinh phí chăm sóc học sinh bán trú.

- Một số địa phương, cơ sở giáo dục chưa thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người dân, nhất là các bậc phụ huynh hiểu rõ về mục đích, yêu cầu và sự cần thiết khi triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ trong trường học.

B. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Về Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013: Ban có 09 kiến nghị, đề xuất

1. Đối với HĐND tỉnh

Các kiến nghị của Ban đã được UBND tỉnh tiếp thu trình đề án và đã được HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối với UBND tỉnh

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt hơn nữa công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích trên địa bàn tỉnh nhất là tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội để quảng bá hình ảnh về các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo ngành chuyên môn và chính quyền các cấp nghiên cứu, rà soát lại toàn bộ hệ thống di tích trên địa bàn, phân loại, đánh giá thực trạng di tích. Những di tích không hội đủ các điều kiện để xây dựng hồ sơ khoa học, hồ sơ pháp lý cần được đưa ra khỏi danh mục di tích cần đầu tư, hướng đến mục tiêu đầu tư, phục dựng, tôn tạo có trọng tâm, trọng điểm để đảm bảo hiệu quả cho việc thực hiện nghị quyết giai đoạn tiếp theo.

- Chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung phân cấp quản lý hệ thống di tích trên địa bàn. Chỉ đạo công tác quy hoạch đất, quản lý quy hoạch đất đối với các di tích để phục vụ tốt cho công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích.

- Hoàn chỉnh xây dựng đề án về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo và phát huy hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn giai đoạn 2022 - 2026 trình HĐND tỉnh thông qua.

3. Đối với Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc ngành tăng cường nghiên cứu tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật triển khai văn bản về bảo vệ di tích để thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích trên địa bàn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Chủ động tăng cường phối hợp với chính quyền các địa phương trong việc thực hiện bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với chính quyền địa phương

- Tổ chức hoạt động tuyên truyền về chủ trương, chính sách về công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích trên địa bàn.

- Làm tốt công tác quản lý nhà nước về di tích, phối hợp với Sở VH-TT-DL các cơ quan liên quan trong công tác hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục về pháp lý, khoa học và huy động xã hội hóa trong đầu tư, tôn tạo, chống xuống cấp di tích.

II. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh: Ban có 11 kiến nghị, đề xuất

1. Đối với HĐND tỉnh

- Tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 và giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát.

- Nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND, trong đó xem xét, rà soát về điều chỉnh cơ cấu các nguồn vốn (*do có sự thay đổi trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025*), điều chỉnh định mức chi phí xây dựng các công trình vệ sinh, nước sạch để phù hợp với tình hình biến động giá cả như hiện nay.

2. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện công tác rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 101 để ban hành các quy định cụ thể, tạo thuận lợi cho các cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả nghị quyết.

- Chỉ đạo công tác đánh giá, rà soát, thông kê các công trình nhà vệ sinh, nước sạch đã xuống cấp cần sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây mới trình HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các danh mục trong nghị quyết. Nghiên cứu ban hành cơ chế lồng ghép nguồn vốn từ để đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh, nước sạch.

- Quan tâm bố trí đảm bảo kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các trường học theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGD ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

3. Đối với Sở Giáo dục - Đào tạo

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và đào tạo, các đơn vị trường học tiếp tục tăng cường tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của việc thực hiện các khoản thu của

Nghị quyết 102/2021/NQ-HĐND cho phụ huynh học sinh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kì, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu, quản lý sử dụng các khoản thu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh đơn giá dự toán, diện tích xây dựng nhà vệ sinh cho phù hợp với giá cả thị trường, quy mô, số lượng học sinh; quan tâm bố trí đảm bảo nguồn lực phục vụ sửa chữa, xây dựng nhà vệ sinh và cung cấp nước sạch đối với các đơn vị trường học trực thuộc sở theo lộ trình đề ra.

4. Đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Làm tốt công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, nhất là đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới các công trình vệ sinh và nước sạch theo mục tiêu nghị quyết đã xác định; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với chính quyền và ngành giáo dục trong triển khai thực hiện nghị quyết.

- Tiếp tục rà soát các trường học có nhu cầu cần sửa chữa, nâng cấp, xây mới nhà vệ sinh, công trình nước sạch để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Huy động, lồng ghép, bố trí đủ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn sự nghiệp giáo dục theo phân cấp quản lý để triển khai đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây mới các công trình vệ sinh và nước sạch theo phân cấp quản lý.

C. DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT NĂM 2023

Năm 2023 Ban VHXH HĐND tỉnh dự kiến giám sát chuyên đề sau:

Giám sát chuyên đề về đầu tư xây dựng, sử dụng thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là kết quả giám sát năm 2021 - 2022 và dự kiến chương trình giám sát năm 2023 của Ban VHXH HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. BAN VHXH HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN**

Hồ Thị Thu Hằng